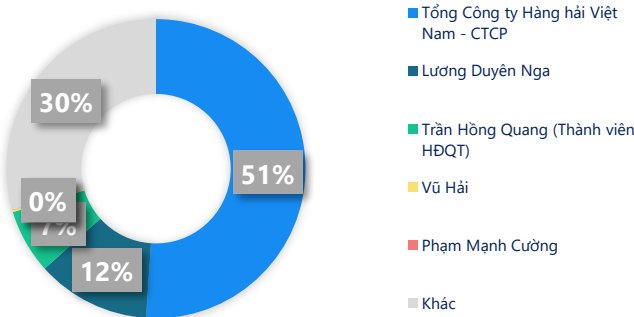


Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

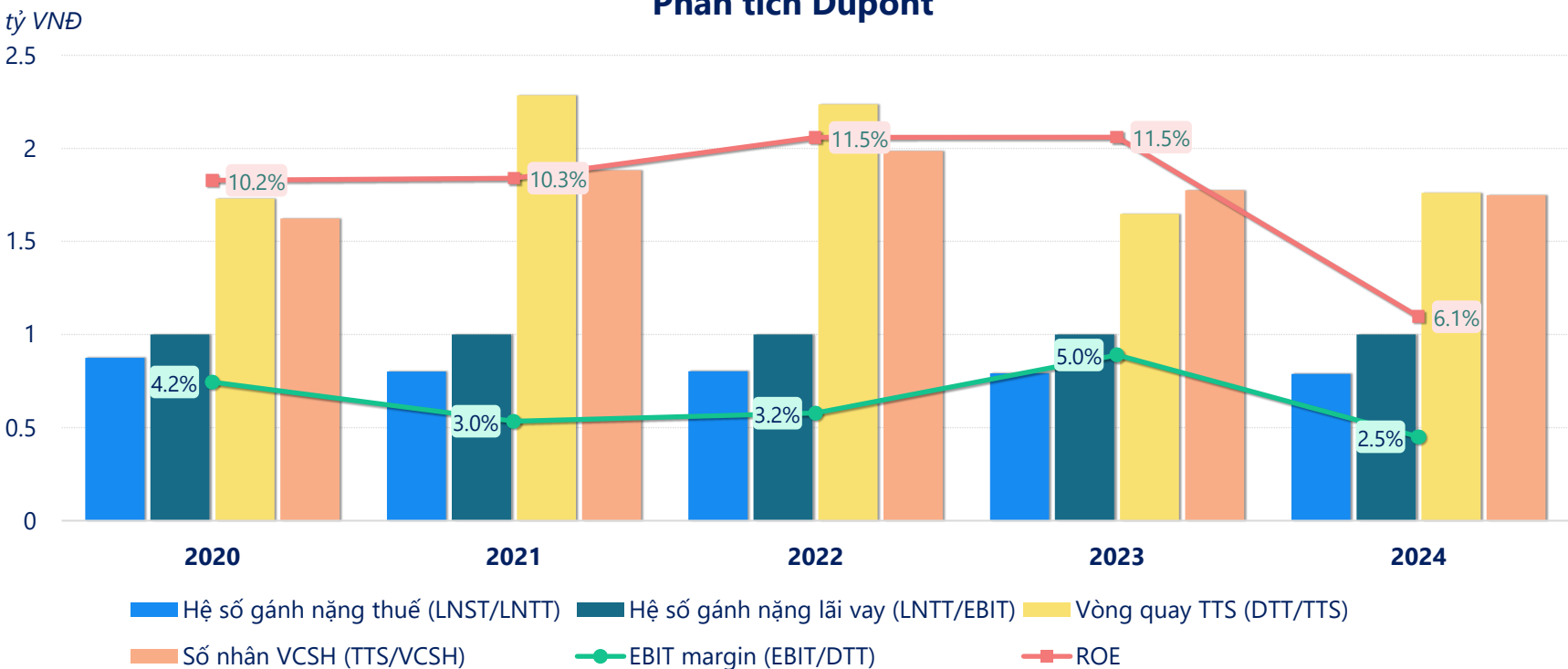
Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		23,000
Sàn giao dịch		HNX
Khoảng giá 52 tuần		20,063 - 33,198
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		324
Số lượng CPLH (CP)		14,096,486
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,920
Sở hữu nước ngoài		2.9%
Beta		0.82
EPS		1,559
P/E		14.8

	YTD	1T	3T	6T
VSA		1.8%	-5.3%	-17.9%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%

Cơ cấu cổ đông



Phân tích Dupont



DT thuần

2024

1,101

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 17.0 | 1.6%

LN sau thuế

2024

21.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 20.9 | -48.7%

ROE

2024

6.1%

+/- YoY: ▼ 5.4%

ROA

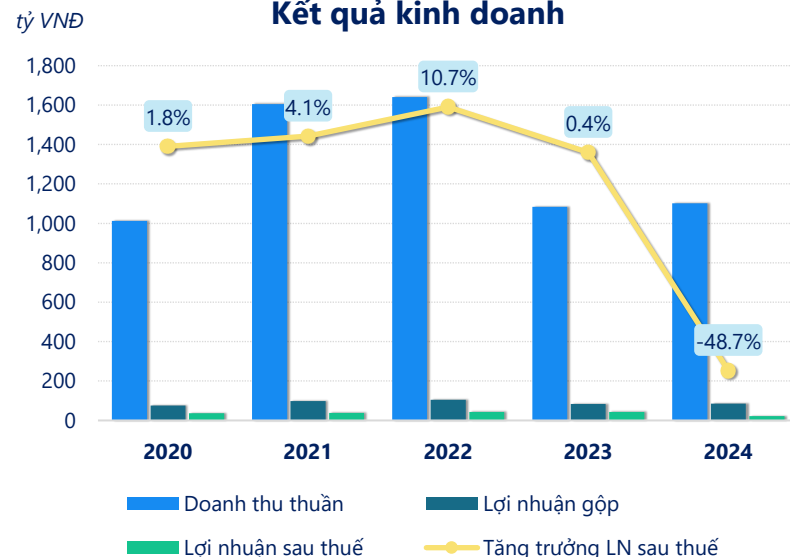
2024

3.5%

+/- YoY: ▼ 3.0%

CTCP Đại lý Hàng hải Việt Nam (HNX: VSA)

Kết quả kinh doanh

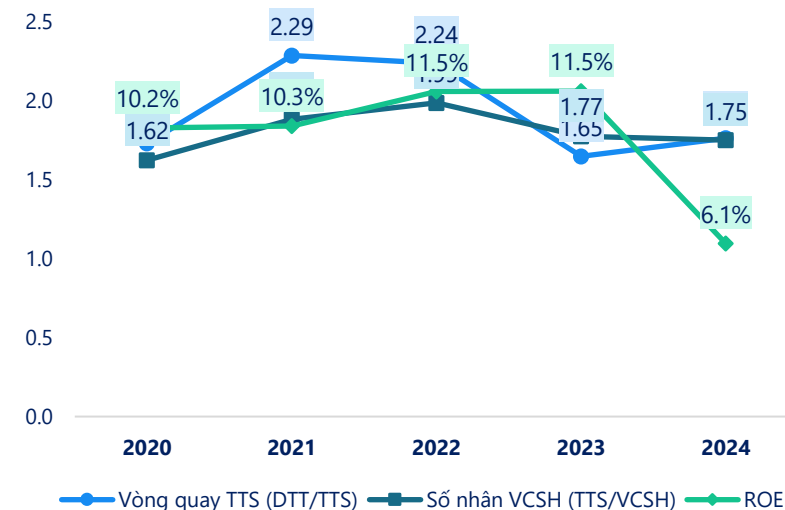


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **2.52%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.79**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Sự duy trì của hệ số gánh nặng lãi vay ở mức **1.00** so với năm trước có thể là tín hiệu về sự ổn định trong quản lý chi phí lãi vay và lợi nhuận, giúp tạo ra một cấu trúc tài chính ổn định và bền vững.

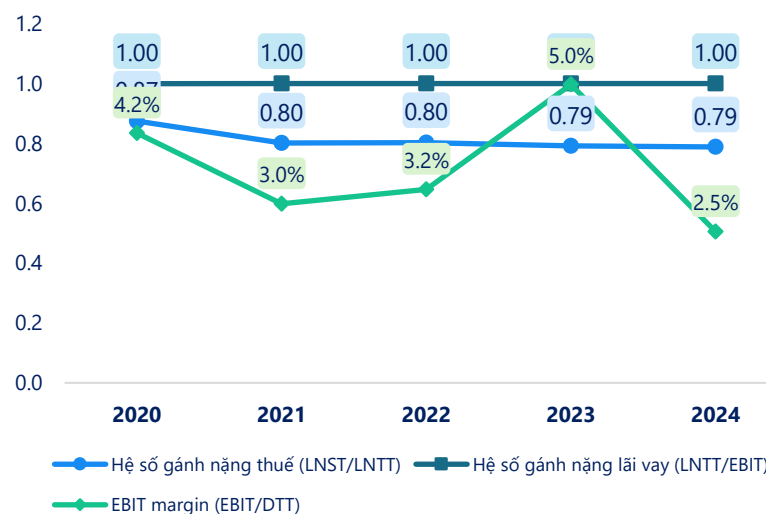
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **VSA** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **1,101** tỷ đồng **tăng 1.62%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 48.7%** chỉ còn **21.92** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **6.13%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

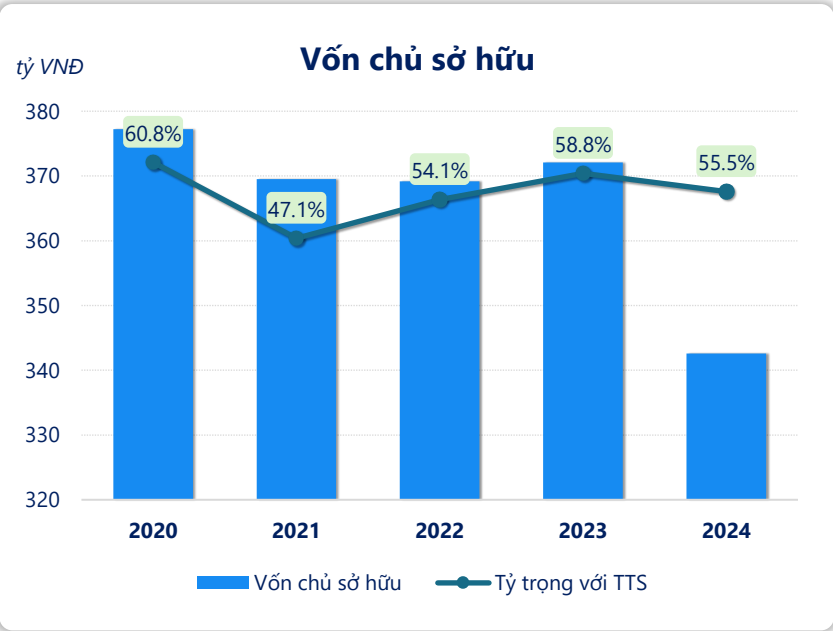
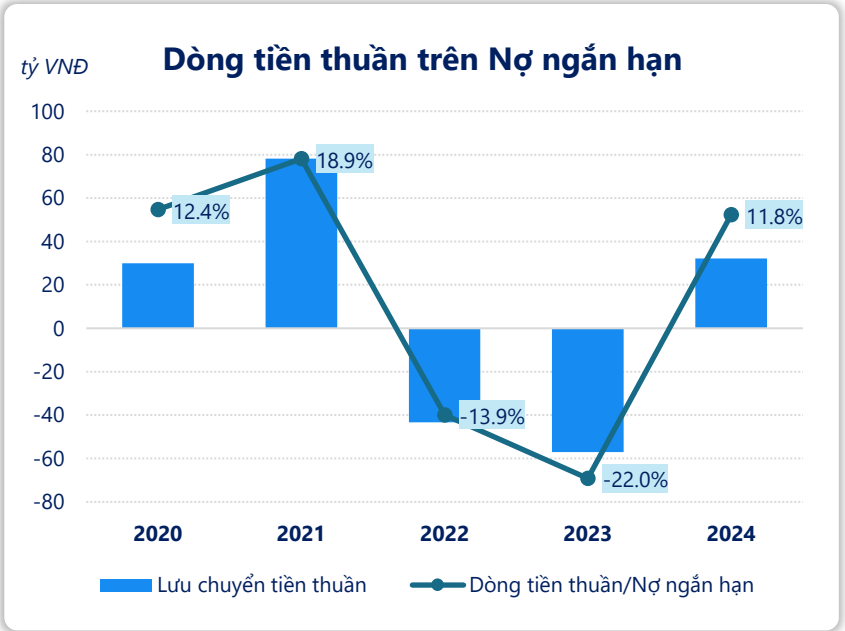
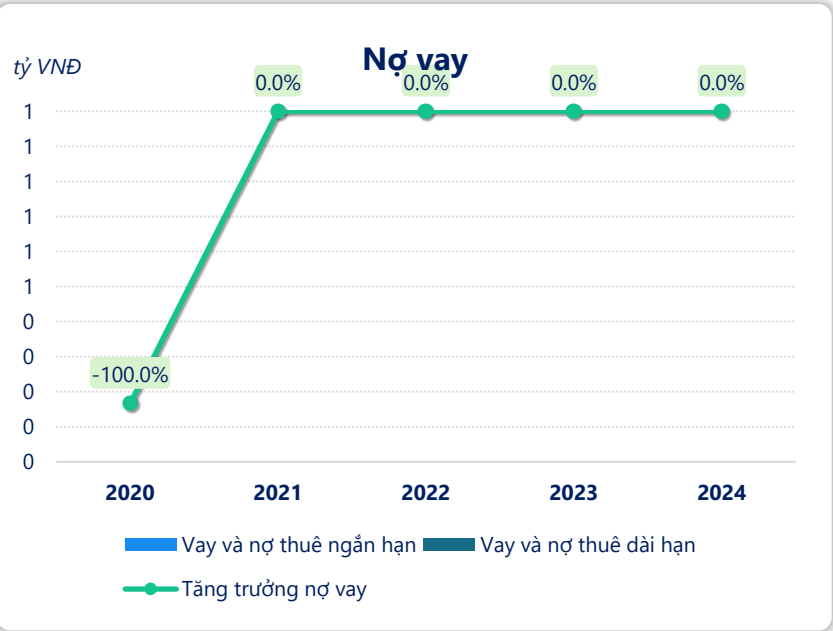
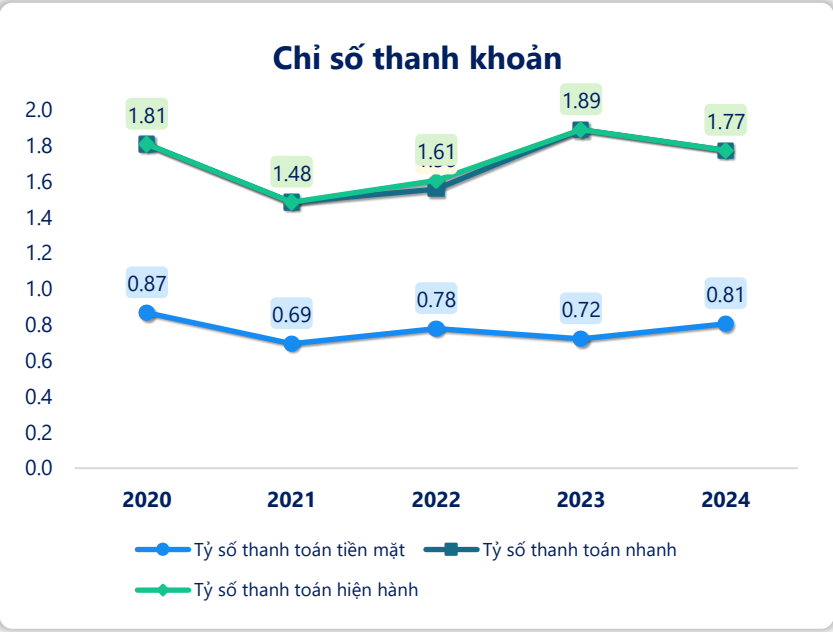
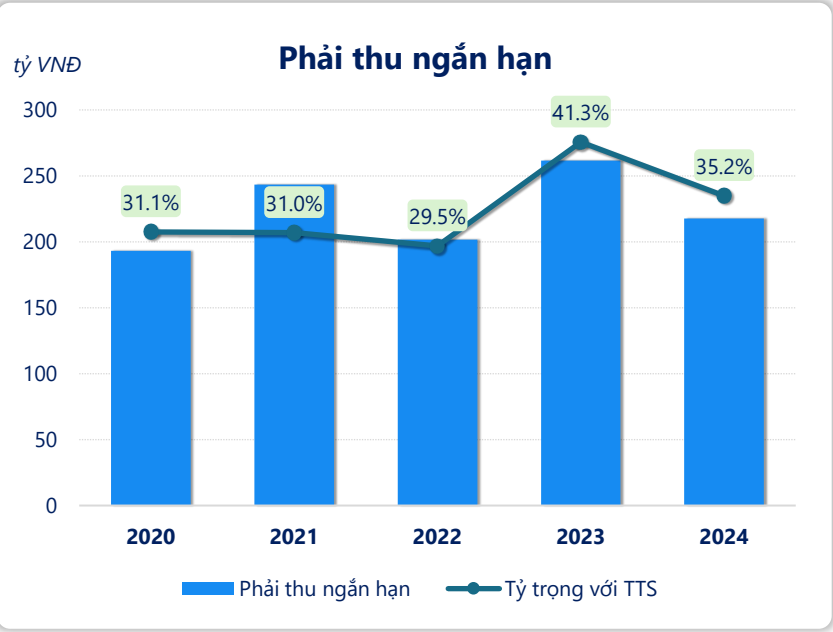
Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



Hiệu suất sử dụng tài sản được cải thiện khi vòng quay tổng tài sản **tăng lên** đến **1.76**, tăng khả năng tạo ra doanh thu từ tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **1.75** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	617	633	-2.5%
Tài sản ngắn hạn	486	490	-0.9%
Tiền và tương đương tiền	221	187	18.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.6	24.2	9.9%
Phải thu ngắn hạn	219	262	-16.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	18.6	16.8	10.8%
Tài sản dài hạn	132	143	-7.9%
Phải thu dài hạn	2.37	1.87	26.5%
Tài sản cố định	57.5	62.5	-8.1%
Bất động sản đầu tư	14.6	17.7	-17.7%
Tài sản dở dang	0.36	0.20	75.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	3.65	4.52	-19.3%
Tài sản dài hạn khác	53.3	56.1	-5.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	275	261	5.3%
Nợ ngắn hạn	273	259	5.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	106	93.4	13.4%
Nợ dài hạn	1.82	1.52	19.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	343	372	-7.9%
Vốn chủ sở hữu	343	372	-7.9%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	1,013	1,606	1,641	1,084	1,101
Giá vốn hàng bán	937	1,508	1,535	1,000	1,015
Lợi nhuận gộp	76.0	97.6	106	84.0	85.8
Doanh thu HĐTC	23.4	14.7	20.8	33.2	18.5
Chi phí TC	2.04	1.97	5.96	3.06	4.09
Chi phí lãi vay	0.02	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	-0.37
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	55.4	60.6	74.0	73.8	73.3
LN thuần từ HĐKD	42.0	49.7	46.6	40.4	26.5
Lợi nhuận khác	0.27	-1.69	6.44	13.6	1.26
LN trước thuế	42.3	48.0	53.1	54.0	27.8
Lợi nhuận sau thuế	37.0	38.5	42.6	42.8	21.9
LNST của CĐ cty mẹ	37.0	38.5	42.6	42.8	21.9

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.7	117	-16.9	-46.2	76.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.74	3.81	8.76	24.4	0.57
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.97	-42.3	-35.2	-35.2	-45.1
Tiền đầu kỳ	180	210	287	244	187
Lưu chuyển tiền thuần	30.0	78.2	-43.4	-57.0	32.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	-0.65	-0.42	0.65	0.76
Tiền cuối kỳ	210	287	244	187	220